

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1015/2017/HC-ST
Ngày: 10 - 8 - 2017
V/v khiếu kiện quyết định
xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thụy Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 7 và ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2016/TLST-HC ngày 16 tháng 02 năm 2016 về “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1385/2017/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B

Trụ sở: Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn S trú tại xã H, thành phố Bà Rịa, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 07/01/2016)

2. Người bị kiện: Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phường A1, Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Duy M - Phó Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh trú tại số phường A1, Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 345/CT-TT3 lập ngày 12/01/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Trần Văn T1, chức vụ: Kiểm tra viên Phòng Thanh tra Thuế số 3 – Cục T Thành phố Hồ Chí Minh trú tại số phường A1, Quận A2, Thành phố Hồ

Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B có ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2007 và năm 2008, công ty có ký 09 hợp đồng mua bán cá Basa/Tra fillet của Doanh nghiệp tư nhân TH. Trong đó có 03 hợp đồng bản chính và 06 hợp đồng có giá trị qua fax để xuất khẩu cho các khách hàng ở Belarus, Nga và Ai Cập. Tại thời điểm mua bán, Doanh nghiệp tư nhân TH đều xuất hóa đơn hợp lệ, toàn bộ lô hàng đều đã xuất khẩu, được cơ quan Hải quan thông quan và khách hàng đã thanh toán đầy đủ cho công ty. Sau đó công ty đã lập hồ sơ xin hoàn thuế và đã được Cục T Thành phố Hồ Chí Minh hoàn thuế đầy đủ (khi hoàn thuế, phía Cục T Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã xác minh tính hợp pháp của hóa đơn, chứng từ).

Ngày 21/8/2014, Cục T Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 1887/QĐ-CT-TT về việc thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B.

Ngày 19/11/2014, Cục T Thành phố Hồ Chí Minh có Biên bản thanh tra thuế tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B, trong đó có nội dung thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng do nhận hóa đơn mua vào của Doanh nghiệp tư nhân TH đã bỏ trốn theo Thông báo số 28/TB-CCT ngày 30/3/2012 của Chi cục Thuế huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (tức bỏ trốn sau 5 năm hợp đồng mua bán phát sinh), tại thời điểm thanh tra công ty không xuất trình được 8 hợp đồng mua hàng bản chính và không có phiếu nhập kho, xuất kho.

Ngày 18/12/2014, Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5911/QĐ-CT-XP về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau đó, công ty có khiếu nại và được giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 25/QĐ-CT-KN ngày 03/3/2015 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 1313/QĐ-TCT ngày 22/7/2015 của Tổng Cục T.

Ngày 06/8/2015, Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP về việc sửa đổi Quyết định số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014, thu hồi số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng là 331.086.043 đồng.

Cục T Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng vì cho rằng không có cơ sở xác định việc mua bán giữa công ty và Doanh nghiệp tư nhân TH là có thật vì công ty không làm thủ tục nhập kho, xuất kho. Công ty cho rằng việc truy thu thuế của Cục T Thành phố Hồ Chí Minh là không phù hợp vì luật kế toán cho phép xuất thẳng hàng hóa không qua kho, hơn nữa công ty không có kho tại Thành phố Hồ Chí Minh và chỉ có kho của các đơn vị trực thuộc tại tỉnh B, mặt khác trong hợp đồng giữa các bên cũng có thỏa thuận giao hàng tại Cảng Thành phố Hồ Chí Minh. Khi mua bán công ty đã thực hiện đầy

đủ các thủ tục và chứng từ theo quy định, phía Doanh nghiệp tư nhân TH cũng có kê khai, lập tờ khai báo cáo với Chi cục Thuế huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, việc mua bán giữa công ty và Doanh nghiệp tư nhân TH là hoàn toàn có thật. Theo Công văn số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài chính thì hợp đồng kinh tế không phải là điều kiện bắt buộc khi các bên giao dịch. Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Công văn này nên việc truy thu thuế của Cục T Thành phố Hồ Chí Minh là không hợp lý.

Nay Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy 1 phần Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là việc Cục T Thành phố Hồ Chí Minh truy thu số tiền thuế giá trị gia tăng là 328.952.043 đồng liên quan đến các giao dịch mua bán với Doanh nghiệp tư nhân TH vào thời điểm năm 2007 và năm 2008.

Người bị kiện Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh có ông Lê Duy Minh là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B.

Qua thanh tra thuế tại Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B, Cục T Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy các giao dịch của công ty với Doanh nghiệp tư nhân TH không đủ cơ sở để xác định là có thật vì các lý do sau:

- Thứ nhất, khi mua hàng của Doanh nghiệp tư nhân TH, công ty không lập phiếu nhập kho, xuất kho theo quy định tại Công văn số 7333/BCT-TCT ngày 24/6/2008 của Bộ Tài chính. Vì vậy Cục T Thành phố Hồ Chí Minh không thể xác định địa điểm giao nhận hàng hóa giữa các bên.

- Thứ hai, khi thực hiện việc kiểm tra tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B, phía Chi nhánh chỉ cung cấp được 01 hợp đồng mua bán bản chính, còn lại 08 hợp đồng khác không đủ dấu đỏ của hai bên. Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B trình bày chỉ ký hợp đồng bằng bản fax, khi nào gặp đại diện Doanh nghiệp tư nhân TH sẽ ký bản chính. Tuy nhiên, các bên đã có nhiều cơ hội gặp gỡ, tiếp xúc trong quá trình mua bán hàng hóa nhưng hiện công ty vẫn chưa xuất trình được bản chính hợp đồng nào khác.

- Thứ ba, thực tế kiểm tra hồ sơ do công ty cung cấp cho thấy: Cán bộ kiểm tra chất lượng sản phẩm của công ty kiểm nhận hàng hóa tại kho của Doanh nghiệp tư nhân TH và đi cùng xe vận chuyển hàng hóa đến cảng, tuy nhiên công ty không cung cấp được biên bản kiểm định hàng hóa, biên bản giao nhận hàng hóa với Doanh nghiệp tư nhân TH. Do đó không đủ cơ sở xác định việc giao nhận hàng hóa giữa Doanh nghiệp tư nhân TH và công ty là có thật.

Vì vậy, việc Cục T Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận công ty khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo các hóa đơn mua hàng của Doanh nghiệp tư nhân TH là có cơ sở. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu trên. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Việc Cục T cho rằng công ty không có phiếu nhập kho, xuất kho và qua kiểm tra thấy nghiệp vụ kế toán của công ty lỏng lẻo nên thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng là không đúng. Vì kế toán của công ty làm rất chặt chẽ, trong quá trình giải quyết vụ án công ty đã có công văn gửi Tổng Cục thuế và đã nhận được trả lời của Tổng Cục thuế, pháp luật về thuế hiện hành không quy định hàng mua về phải nhập kho không được bán thẳng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Hợp đồng qua fax do công ty xuất trình mang tính đối phó, vì không có hợp đồng có chữ ký và dấu mộc của hai bên, chứng từ kế toán lỏng lẻo, chỉ thanh toán tiền hàng, không thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Tại mục 2.2 Công văn số 7333/BTC-TCT ngày 24/6/2008 của Bộ Tài chính quy định: Trường hợp cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh bỏ trốn để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà thời điểm mua hàng hóa, dịch vụ phát sinh trước ngày xác định cơ sở kinh doanh bỏ trốn theo thông báo của cơ quan thuế hoặc các cơ quan chức năng khác chưa đủ căn cứ để kết luận đó là hóa đơn bất hợp pháp thì cơ quan thuế phải thực hiện kiểm tra xác định đúng có hàng hóa, dịch vụ mua vào và yêu cầu cơ sở kinh doanh chứng minh và chịu trách nhiệm trước pháp luật việc mua bán là có thật, có hợp đồng mua bán, văn bản chứng từ thanh lý hợp đồng (nếu có), phiếu xuất kho, nhập kho, chứng từ thanh toán tiền hàng... Theo Thông báo số 28/TB-CCT-KK-KTT ngày 30/3/2012 của Chi cục thuế huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thì từ ngày 29/3/2012 Doanh nghiệp tư nhân TH đã không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế. Căn cứ Công văn số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài chính, căn cứ mục 1.6 Công văn số 7333/BTC-TCT ngày 24/6/2008 của Bộ Tài chính quy định về hóa đơn bất hợp pháp, điểm 4.4 Mục IV Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 9/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B đã không chứng minh được địa điểm giao hàng do không có biên bản giao nhận hàng giữa công ty và Doanh nghiệp tư nhân TH, không chứng minh được chủ sở hữu hàng hóa, nguồn gốc

hàng hóa, không có biên bản kiểm định hàng hóa, không có hợp đồng bản chính nên không có cơ sở xác định việc mua bán hàng hóa là có thật. Việc Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 và Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 về việc sửa đổi Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật vì vậy không có sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ông Lê Duy Minh là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện.

- Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định 3101/QĐ-CT-XP của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành ngày 06/8/2015. Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B nhận quyết định ngày 06/8/2015. Ngày 25/01/2016, Tòa án nhận đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 21/8/2014 Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1887/QĐ-CT-TT về việc thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định trên được giao cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/8/2014. Ngày 12/11/2014, Đoàn Thanh tra tiến hành lập biên bản xác nhận kết quả thanh tra, biên bản kết thúc ngày 19/11/2014. Ngày 18/12/2014, Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh có Bản kết luận thanh tra số 1625/KL-CT, kết luận thanh tra sau hoàn thuế tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/12/2014, Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

Quyết định số 5911/QĐ-CT-XP về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận được Quyết định 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B đã khiếu nại lần thứ nhất và đã được Cục T Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất số 25/QĐ-CT-KN ngày 30/3/2015. Nội dung quyết định là giữ nguyên Quyết định số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014. Sau đó Chi nhánh đã có đơn khiếu nại lên Tổng Cục T và được giải quyết khiếu nại lần 2 theo Quyết định số 1313/QĐ-TCT ngày 22/7/2015, trong đó công nhận 1 phần nội dung đơn khiếu nại còn lại không công nhận phần Chi nhánh sử dụng hóa đơn mua vào của Doanh nghiệp bỏ trốn: 328.952.043 đồng (và bù trừ công nợ không thanh toán qua ngân hàng, không có thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế: 2.134.000 đồng). Ngày 06/8/2015, Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP về việc sửa đổi Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh. Xét việc Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 và Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 109 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và khoản 4 Điều 14 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế. Trình tự, thủ tục ban hành quyết định tuân thủ đúng quy định tại các Điều 75, 76, 81, 82, 87 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, theo Điều 2, 10, 14 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Về nội dung quyết định: Ngày 18/12/2014, Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế với nội dung xử lý vi phạm hành chính về thuế đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh, mã số thuế 3500666675005, thời kỳ thanh tra từ 7/2007 - 01/2014: với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

1. Phạt do kê khai sai: 33.178.219 đồng
2. Các biện pháp khắc phục hậu quả:
 - a) Thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng 749.896.011 đồng;
 - b) Phạt chậm nộp tiền thuế 189.750.468 đồng.

Lý do xử phạt: Doanh nghiệp đã có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn; Xử phạt theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007; Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Sau khi Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh khiếu nại, Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP về việc sửa đổi Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Điều 1 của Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP có nội dung là sửa đổi Điều 1 của Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 như sau: Xử lý vi phạm hành chính về thuế đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh, mã số thuế 3500666675005, địa chỉ trụ sở: L5 khu dân cư 13C, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời kỳ thanh tra từ tháng 7/2007 – 01/2014. Với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng như sau: Thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng (TM 1701): 331.086.043 đồng.

Trên cơ sở kiến nghị tại Biên bản thanh tra thuế ký ngày 19/11/2014 của Đoàn Thanh tra Thuế thuộc Cục T Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 18/12/2014, Cục T Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành kết luận thanh tra số 1625/KN-TT. Tại kết luận thanh tra, cơ quan thuế kết luận: Về Hóa đơn mua vào của Doanh nghiệp bỏ trốn Cục T truy thu theo hướng dẫn tại điểm 2.2 Công văn 7333/BTC-TCT ngày 24/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về xử lý hóa đơn đối với hóa đơn bất hợp pháp. Hóa đơn mua vào của Doanh nghiệp bỏ trốn kèm theo lỗi không có phiếu nhập kho, xuất kho, hợp đồng mua hàng không có bản chính, không xác định hàng hóa có thật... Căn cứ vào kết luận thanh tra, Cục trưởng Cục T đã ban hành Quyết định 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 và Quyết định 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng. Theo điểm 2.2 của Công văn 7333/BTC-TCT ngày 24/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về xử lý hóa đơn đối với hóa đơn bất hợp pháp thì trường hợp cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn mua hàng hóa của cơ sở kinh doanh bỏ trốn để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng, tính vào chi phí khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chưa đủ căn cứ để xác định đó là hóa đơn bất hợp pháp thì cơ quan thuế phải thực hiện việc kiểm tra, xác định đúng có hàng hóa, dịch vụ mua và yêu cầu cơ sở kinh doanh chứng minh việc mua bán là có thật. Như vậy, vấn đề cần phải xem xét là việc mua bán hàng hóa giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh và Doanh nghiệp Tư nhân TH là có thật hay không.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B đã cung cấp một số tài liệu chứng cứ để chứng minh việc mua bán là có thật như: Hợp đồng mua bán hàng hóa, chứng từ thanh toán, chứng từ xuất khẩu hàng hóa... Tuy nhiên Doanh nghiệp không xuất trình được biên bản kiểm định hàng hóa, biên bản giao nhận hàng giữa hai bên, hợp đồng qua fax không có bản chính, không có bản hợp đồng có dấu mộc, chữ ký của đại diện Doanh nghiệp. Ngoài ra trong Hợp đồng mua bán số 20/MB-08 ngày 10/4/2008 kèm theo hóa đơn số 0039280 ngày 24/4/2008 có ghi nhận nội dung: Bên A (Doanh nghiệp tư nhân TH) chịu trách nhiệm mời NAFIQAVED (Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản) kiểm hàng. Sau khi có kết quả kiểm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu của NAFIQAVED thì

bên B (Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B) sẽ nhận hàng. Bên A phải cung cấp hồ sơ cũng như chứng thư đạt tiêu chuẩn (Health Cert) và các chứng từ khác có liên quan (Inspection cert, Quality Report) để bên B có đầy đủ chứng từ gửi cho khách hàng. Tại phiên tòa, đại diện Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B trình bày việc kiểm tra chất lượng hàng hóa do người của Công ty Cổ phần chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B trực tiếp đến Doanh nghiệp tư nhân TH kiểm tra nên Doanh nghiệp tư nhân TH không thực hiện việc kiểm định chất lượng hàng hóa, vì vậy không cung cấp được hồ sơ chứng thư đạt tiêu chuẩn của NAFIQAVED do Doanh nghiệp Tư nhân TH yêu cầu kiểm định, việc này không đúng thỏa thuận của hai bên đã được ghi nhận trong hợp đồng. Qua các căn cứ trên, xét thấy có cơ sở xác định việc mua bán hàng hóa giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh với Doanh nghiệp tư nhân TH là không có thật. Vì vậy Quyết định 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng với số tiền là 331.086.043 đồng đối với Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B tại Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định của pháp luật. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là việc Cục T Thành phố Hồ Chí Minh truy thu số tiền thuế giá trị gia tăng là 328.952.043 đồng liên quan đến các giao dịch mua bán với Doanh nghiệp tư nhân TH vào thời điểm năm 2007 và năm 2008.

Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Điều 7, Điều 30, Điều 82, Điều 87, Điều 103 và Điều 109 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Điều 2, Điều 10, Điều 14 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế; điểm c khoản 4.4 Mục IV Phần B Thông tư 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Xử :

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3101/QĐ-CT-XP ngày 06/8/2015 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi Quyết định xử phạt số 5911/QĐ-CT-XP ngày 18/12/2014 của Cục trưởng Cục T Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí: Người khởi kiện Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AE/2011/02590 ngày 02/02/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh B đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thụy Vi